

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BẢY NĂM THỰC HIỆN LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

PTS. ĐOÀN THỊ HỒNG VÂN

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Thành phố Hồ Chí Minh - thành phố lớn nhất VN, một trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, tài chính, KHKTT và đầu mối giao thông quan trọng của cả nước.

Để tiếp tục phát triển giữ vững vị trí đầu tàu kinh tế của đất nước, bảy năm qua thành phố đã tích cực kêu gọi, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và đã đạt được nhiều thành tựu đáng phấn khởi. Nếu tính từ ngày 25.5.88, ngày dự án đầu tiên XNLD Genpacific được cấp giấy phép, cho đến ngày 8.3.95, trên địa bàn TP đã có 456 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động, với tổng số vốn đầu tư (theo giấy phép) là 4.866.223.031 USD, chiếm trên 41% số dự án và 42% tổng số vốn đầu tư trong cả nước. Trong quá trình hoạt động 77 dự án bị rút giấy phép với số vốn 392.398.488 USD vì không thực hiện hoặc hoạt động sai mục đích. Như vậy, đến nay chỉ còn 379 giấy phép còn hiệu lực hoạt động với số vốn đầu tư 4.473.824.543 USD, chiếm 83% số giấy phép được cấp và 92% tổng số vốn đầu tư đăng ký.

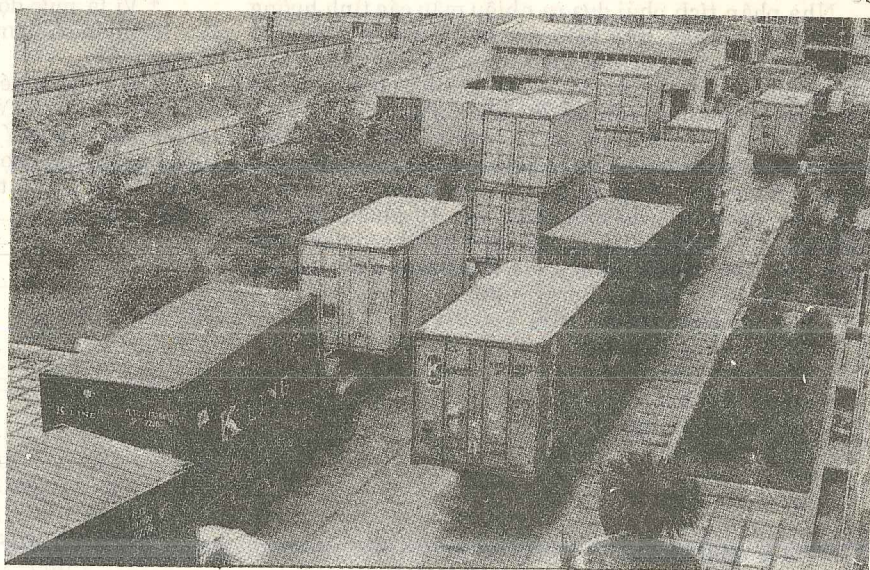
Đầu tư nước ngoài qua các năm

Năm	Số dự án (dự án)	Vốn đầu tư (USD)
Tổng số	379	4.473.824.543
1988	5	17.651.472
1989	12	160.456.660
1990	25	240.550.500
1991	54	385.627.086
1992	79	511.180.348
1993	91	1.295.858.770
1994	90	1.076.922.891
đến 3. 1995	23	785.576.816

Nguồn: Cục thống kê TP.HCM

(chỉ tính số giấy phép còn hiệu lực đến 8.3.95)

Phân tích tình hình đầu tư nước ngoài tại thành phố, ta có thể rút ra



những nhận xét sau:

- Trong giai đoạn 1988 - 1993 TP.HCM luôn đi tiên phong trong lĩnh vực hoạt động mới mẻ và quan trọng này, thành phố dẫn đầu cả nước cả về số dự án, số vốn và tốc độ tăng của số dự án và vốn qua các năm. Nhưng năm 1994 thì tình hình đầu tư vào thành phố có xu hướng chững lại,

trong khi đó tại Hà Nội, Sông Bé, Đồng Nai...hoạt động đầu tư diễn ra ngày càng sôi động. Nguyên nhân: ở thành phố các thủ tục đầu tư đặc biệt là các thủ tục sau khi cấp giấy phép

còn rất nặng nề, gây tâm lý ngại ngại cho các nhà đầu tư. Còn tại các địa phương khác, đặc biệt là Hà Nội, thủ tục dễ dàng, cởi mở hơn. Giá thuê đất tại thành phố được xem là quá cao so với các nước lân cận, các vùng xung quanh, giá thuê nhà, khách sạn, dịch vụ, bưu điện, cũng tương tự, cơ sở hạ tầng tuy có khá hơn nhưng vẫn chưa đủ sức hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài...Sau khi nhà nước cải cách một bước thủ tục đầu tư, trong hơn hai tháng đầu năm 1995, đã có 23 dự án đầu tư nước ngoài vào thành phố được cấp giấy phép, với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 785.576.816 USD, bằng 26% số dự án được cấp phép năm 94 và 73% tổng số vốn của năm 94. Trong số đó có dự án với số vốn đăng

ký lớn nhất trong cả nước từ trước đến nay - Dự án trung tâm văn hóa thương mại Sài Gòn với số vốn đầu tư 524.562.371 USD.

- Xét về qui mô của các dự án ta thấy: tuy hai năm gần đây đã xuất hiện một số dự án lớn nhưng nhìn chung các dự án đầu tư vẫn chủ yếu là vừa là nhỏ. Tính chung, vốn đầu tư bình quân một dự án là 11,8 triệu USD. Bình quân một dự án năm 1993 là 14,2 triệu USD, năm 94 là 11,96 triệu USD, đặc biệt trong 3 tháng đầu năm 95, bình quân một dự án là 34,2 triệu USD. Trong số các dự án đang hoạt động tại TP hiện nay thì số dự án có vốn đầu tư dưới 1 triệu USD chiếm 29,2%; số dự án có vốn đầu tư từ 1 đến 10 triệu USD chiếm 48,3%, vốn trên 10 triệu USD chiếm 22,5%.

- Về thời gian hoạt động của các dự án đầu tư nước ngoài, phần lớn là trung hạn (từ 10 - 20 năm). Trong số 379 dự án đang còn hiệu lực, thì 11,3% số dự án có thời gian hoạt động dưới 10 năm; 69,9% số dự án có thời gian hoạt động từ 10 - 20 năm, còn lại 18,8% số dự án có thời gian hoạt

động trên 20 năm. Gần đây số dự án dài hạn ngày càng tăng và tập trung chủ yếu vào các ngành khách sạn, nhà hàng và công nghiệp chế biến.

- Về hình thức đầu tư: cho đến nay tại TP.HCM đã xuất hiện đầy đủ các hình thức đầu tư được luật qui định. Trong số 379 dự án đang hoạt động thì hình thức phổ biến nhất là liên doanh, 271 dự án, chiếm 71,5%; hình thức hợp tác kinh doanh có 24 dự án, chiếm 6,3%; xí nghiệp 100% vốn nước ngoài có 84 dự án, chiếm 22,2%; thời gian gần đây các đối tác nước ngoài ngày càng chú ý nhiều đến hình thức đầu tư này. Ở thành phố có 2 khu chế xuất và đầu tháng 4.95 SCCI đã cấp giấy phép BOT đầu tiên của thành phố và cũng là dự án BOT đầu tiên của cả nước, cho dự án sản xuất và cung cấp nước sạch cho TP.HCM và vùng lân cận.

- Về ngành đầu tư: cho đến tháng 3.95 đã có 13/20 ngành kinh tế ở TP có dự án đầu tư nước ngoài; nhưng chủ yếu tập trung vào 6 ngành chính: công nghiệp chế biến có 229 dự án, chiếm 60,5% số dự án được cấp; khách sạn, nhà hàng có 53 dự án, chiếm 13,99%; vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc 27 dự án, chiếm 7,12%; xây dựng có 19 dự án, chiếm 5,01%; các loại hoạt động kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn có 16 dự án, chiếm 4,23%; tài chính tín dụng có 14 dự án, chiếm 3,69%. Nhìn chung cơ cấu các dự án đầu tư nước ngoài phù hợp cơ cấu phát triển của thành phố tập trung vào các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Về đối tác đầu tư: trong số 379 dự án đang còn hiệu lực của 26 nước trên địa bàn thành phố, thì 10 nước châu Á có tới 273 dự án, chiếm 72,03%; trong đó các nước NICs và ASEAN có 250 dự án; chiếm 65,96%; các nước châu Âu có 79 dự án của 10 nước chiếm tỷ trọng 20,84%; Úc có 16 dự án, chiếm 4,22%; các nước Trung và Bắc Mỹ có 9 dự án, chiếm 2,37%; các nước A Rập chỉ có 2 dự án, chiếm tỷ trọng 0,54%. Như vậy các chủ đầu tư nước ngoài vào TP chủ yếu là các nước NICs và ASEAN (Hồng Kông chiếm vị trí số 1 với 65 dự án, sau đó là Đài Loan 60 dự án, Hàn Quốc 51 dự án, Singapore 45 dự án). Còn các nước châu Âu và châu Mỹ vẫn rất dè dặt khi đầu tư vào thành phố.

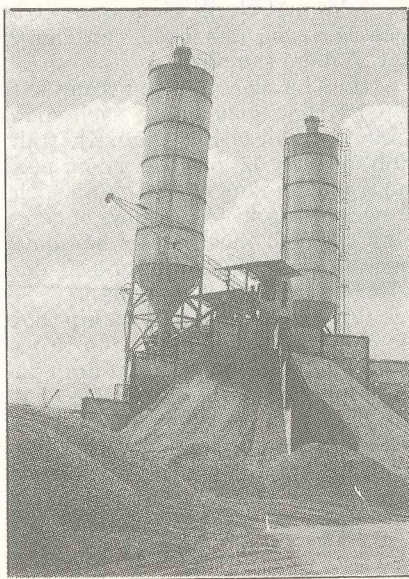
- Về tình hình góp vốn: cho đến cuối năm 1994 số vốn nước ngoài đã góp khoảng 1 tỷ USD, chiếm 29,5% tổng số vốn đầu tư và 52,1% vốn pháp định. Bình quân một năm vốn nước ngoài vào thành phố trên dưới 100 triệu USD. Các năm gần đây cao hơn, trên dưới 200 triệu USD. vốn góp của phía nước ngoài chủ yếu là máy móc thiết bị (48%) còn lại bằng tiền, phía VN góp chủ yếu là quyền sử dụng đất,

mặt nước (56%) còn lại là nhà xưởng...

- Tình hình sử dụng lao động: đã có khoảng 32 ngàn lao động đang làm việc trong các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó 98% là người VN, chỉ có 2% là lao động người nước ngoài. Mức thu nhập bình quân của 1 lao động VN vẫn trên dưới 75 USD/tháng.

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: đến cuối năm 1994 có khoảng 52,5% số dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn đã đi vào hoạt động có doanh thu; trong đó các dự án đầu tư trước năm 91 chiếm tỷ lệ 70%; năm 92 - 93 từ 40 - 50%. Trong năm 94 đã có nhiều dự án lớn đưa vào sử dụng như: khách sạn New World, khách sạn Omni, khách sạn Chân Lý, sân golf Thủ Đức, Nhà máy dệt số 1 Tân Thuận... Doanh thu năm 1994 của các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài ở thành phố là 474 triệu USD, tăng 48% so với năm 1993, chiếm 6,7% GDP toàn thành phố. Trong đó, công nghiệp chế biến 249,1 triệu USD, tăng 34,8% chiếm gần 9% doanh thu ngành công nghiệp trên địa bàn. Ngành vận tải bưu điện: 77,2 triệu USD, tăng 2 lần, chiếm 12% doanh thu toàn ngành. Ngành khách sạn, nhà hàng 45 triệu, tăng 17% chiếm 10%...

Kim ngạch XNK của các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng lớn. Có khoảng 20% số cơ sở đã có hàng xuất và 30% cơ sở có nhập khẩu. Tổng kim ngạch XK năm 1994 thực hiện khoảng 100 triệu USD, chiếm 21% doanh thu, tăng 2,3 lần so với năm 1993. Hàng XK chủ yếu là hàng dệt, quần áo may sẵn, giày dép, túi xách... Đã có 15 cơ sở có kim ngạch xuất trên 2 triệu USD/năm, điển hình là: XN quốc tế Ryo, LD Louitech Leasgo, Vietrosco, Cty Triumph International Việt Nam, Cty Choog-



nam, Việt Thắng Textile... Khu chế xuất Tân Thuận cũng đã có 2 XN có hàng xuất khẩu. Kim ngạch nhập khẩu của các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài ở TP năm 94 là 180 triệu USD, tăng 28,5% so với năm 1993. Hàng nhập chủ yếu là nguyên liệu, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho công việc xây dựng và sản xuất sản phẩm.

Cùng với việc gia tăng qui mô hoạt động, hiệu quả ở các đơn vị cũng được nâng lên. Đã có khoảng 66% số cơ sở hoạt động có hiệu quả, cao hơn các năm trước (năm 92: 54,7%; 93: 52%). Kết quả trích nộp cho ngân sách cũng tăng nhanh, tổng số nộp 592 tỷ đồng (53,8 triệu USD) tăng 5,6 lần so với năm 1993. Trong đó thuế tiêu thụ đặc biệt 49%, thuế doanh thu 33,8%.

Nói tóm lại, hoạt động đầu tư nước ngoài trên địa bàn TP.HCM trong bảy năm qua đã phát triển theo chiều hướng tốt đẹp và có tác động ngày càng mạnh mẽ đến quá trình ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Nhưng bên cạnh những thành tựu đạt được, trong lĩnh vực này đã bộc lộ một số yếu kém, nổi cộm lên là: thủ tục đầu tư, đặc biệt là thủ tục sau khi cấp giấy phép còn quá nặng nề. Thông thường muốn có giấy phép đầu tư phải qua 20 cửa lớn nhỏ (trung ương 12 và địa phương 8 cửa) sau đó là khâu điện nước. Đây là trở ngại lớn nhất và chính nó đã làm giảm tính hấp dẫn của thành phố trước các nhà đầu tư nước ngoài. Công tác quản lý các cơ sở sau khi cấp giấy phép còn rất lỏng lẻo và kém hiệu lực.

Để tạo đà thu hút mạnh hơn các đối tác đầu tư, tạo khả năng mới để góp phần đưa thành phố phát triển nhanh, mạnh đúng hướng và vững chắc hơn nữa, chúng tôi đề nghị cần phải làm tốt những công việc sau đây:

- Tiếp tục cải thiện thủ tục đầu tư theo hướng đơn giản, thuận lợi và khoa học. Thực hiện chính sách "một cửa" để lấy lại sức hấp dẫn của thành phố trước đối tác đầu tư nước ngoài.

- Sớm hoàn thiện qui hoạch tổng thể, qui hoạch ngành để giúp hoạt động đầu tư phát triển đúng hướng và hiệu quả hơn.

- Tăng cường khâu quản lý dự án sau giấy phép.

- Cần có sự quan tâm và đầu tư thích đáng để đào tạo đội ngũ cán bộ VN có đủ tài, đức, năng lực cần thiết để tham gia quản lý các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề để đáp ứng nhu cầu lao động cho khu vực này đặc biệt là các khu chế xuất.

- Cần đa phương hóa trong việc lựa chọn đối tác đầu tư để có thể chọn được công nghệ tiên tiến, hiệu quả cao và tránh bị lệ thuộc sau này ■